

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Thông tư số 116/2020 ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/BĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐQT ngày 20/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Có phụ lục sửa đổi và dự thảo Điều lệ, Quy chế kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Quốc Long

Phụ lục I
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh																											
1.	Điều 3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc; 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty. 2. Trường hợp chưa có Tổng Giám đốc thì người được giao quyền Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Phù hợp theo Khoản 3 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 “Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam”.																											
2.	Điều 4	Điều 4: Mục tiêu hoạt động của công ty 1. Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty là: - Hoạt động, sản xuất, kinh doanh điện; - Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; - Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện; - Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị; - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ - nhiệt điện; - Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện; - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về	Điều 4: Mục tiêu hoạt động của công ty 1. Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty là: <table><tr><th>STT</th><th>Ngành nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>1.</td><td>Sản xuất điện</td><td>3511</td></tr><tr><td>2.</td><td>Truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán buôn, bán lẻ điện)</td><td>3512</td></tr><tr><td>3.</td><td>Xây dựng công trình điện</td><td>4221</td></tr><tr><td>4.</td><td>Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện</td><td>4293</td></tr><tr><td>5.</td><td>Lắp đặt hệ thống điện</td><td>4321</td></tr><tr><td>6.</td><td>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện, lò hơi</td><td>7120</td></tr><tr><td>7.</td><td>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông</td><td>4652</td></tr><tr><td>8.</td><td>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy</td><td>4659</td></tr></table>	STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành	1.	Sản xuất điện	3511	2.	Truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán buôn, bán lẻ điện)	3512	3.	Xây dựng công trình điện	4221	4.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện	4293	5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện, lò hơi	7120	7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	4659	Sửa đổi để phù hợp theo Phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo mô hình tái cơ cấu theo định hướng tách bạch công tác vận hành, công tác quản lý dự án đầu tư, công tác sửa chữa tại PPC.
STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành																													
1.	Sản xuất điện	3511																													
2.	Truyền tải và phân phối điện (bao gồm bán buôn, bán lẻ điện)	3512																													
3.	Xây dựng công trình điện	4221																													
4.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện	4293																													
5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321																													
6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện, lò hơi	7120																													
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652																													
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	4659																													

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh			Lý do hiệu chỉnh
		quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị Nhà máy điện; - Cho thuê tài sản.		khác: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)		
			9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662	
			10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker); Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...)	4663	
			11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, tro, xỉ, thạch cao. Bán buôn nhiên liệu, nguyên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện, (Trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).	4669	
			12.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh			Lý do hiệu chỉnh
			13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Hiệu chỉnh tuabin nhà máy nhiệt điện	3312	
			14.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313	
			15.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, nâng cấp, cải tạo thiết bị điện, công trình điện	3314	
			16.	Giáo dục khác chưa phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.	8559	
			17.	Hoạt động bảo vệ tư nhân: Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ	8010	
			18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510	
			19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
			20.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
			21.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	
			22.	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
			23.	Thu gom rác thải độc hại	3812	
			24.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	
			25.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822	
			26.	Tái chế phế liệu	3830	
			27.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900	
			28.	Đấu giá hàng hóa	46103	
			29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ	5225	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh			Lý do hiệu chỉnh
			30.	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở	68103	
			31.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
			32.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
			33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Chi tiết: cơ khí điện lực	2592	
			34.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện, các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo	6491	
			35.	Cho thuê xe có động cơ	7710	
			36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
			37.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129	
			38.	Hoạt động tư vấn quản lý: Chi tiết: - Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình nguồn điện - lưới điện; - Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình viễn thông và công nghệ thông tin; - Tư vấn thẩm định, thẩm tra chuyên ngành về hoạt động điện lực	7020	
			39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt các thiết bị cơ nhiệt, điện lạnh, thiết bị điện, các trạm biến áp, các nhà máy điện.	3320	
			40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Vận hành thuê các nhà máy điện	8299	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
3.	Điều 7	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu (Giữ nguyên khoản 1) 2. Cổ phiếu là <u>loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành</u>. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc <u>trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định)</u> kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. 5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại <u>dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u> a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
4.	Điều 12	Điều 12. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu ... thông qua đại diện	Điều 12. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu ... thông qua đại diện được ủy	Phù hợp Luật DN hiện hành và nội dung tại khoản 2 cho phù hợp với

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		được ủy quyền <u>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa</u>; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <u>đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành</u>; d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; f. Tiếp cận <u>thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>; g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp; j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	quyền <u>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; (Giữ nguyên điểm b) c. Tự do chuyển nhượng cổ phần <u>của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan</u>; (Giữ nguyên các điểm d, e) f. Được tiếp cận <u>đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật</u>; (Giữ nguyên các điểm g, h, i) j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (Giữ nguyên điểm j) 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; <u>việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau</u>: <u>(i) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người</u>	khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 26 và Điều 37 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; (Bổ sung điểm e) e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật	<u>vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>(ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u> <i>(Giữ nguyên điểm b)</i> <u>c. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u> <i>(Giữ nguyên điểm d)</i> <u>e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u> <i>(Giữ nguyên điểm e).</i>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		và Điều lệ này.		
5.	Điều 12	Bổ sung khoản 4	4. Tổ chức là cổ đông của Công ty: có sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 10% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ trên 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.	
6.	Điều 13	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: <u>1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u> 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <u>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</u> <u>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</u> 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: <u>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u> <u>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u> <u>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u> <u>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u> 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	Phù hợp với nội dung và bổ cục lại thứ tự các khoản cho phù hợp với Luật DN hiện hành, Điều 13 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. 6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty; <u>8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</u> <u>9. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;</u> 10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	
7.	Điều 14	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01)	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</u>, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên	thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u> 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>y kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</u>, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán <u>được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u> 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: <i>(Giữ nguyên điểm a)</i> <i>(Lược bỏ điểm b)</i> <i>(Giữ nguyên điểm c)</i> c. <u>Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do</u>	116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e. <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u> f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d. <u>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u> (Giữ nguyên điểm f)	
8.	Điều 15	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;	c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này;	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; n) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; o) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát; p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên; e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; h) Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; Báo cáo tiền thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết; k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; o) Quyết định giao dịch đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	q) Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; s) Quyết định thay đổi vốn Điều lệ của Công ty; t) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty; u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
9.	Điều 17	Điều 17. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <u>khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</u>	Điều 17. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <u>khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 17 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
10.	Điều 18	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông (Bổ sung khoản 6)	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
			và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
11.	Điều 19	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u> (Bổ sung khoản 4)	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</u> 4. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 19 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
12.	Điều 20	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <u>theo trình tự sau:</u> a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.</u> Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. <u>Kết quả kiểm</u>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. 3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu	<u>phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp; b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. <u>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</u> a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; <u>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</u> <u>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u> <u>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào</u>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		tập hợp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. 5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp. 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	<u>ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u> 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu	a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. 12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. 13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
13.	Điều 21	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc i) sửa đổi và bổ sung Điều lệ; ii) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; iii) việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; iv) dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty; e) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ. 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	
14.	Điều 22	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn	Phù hợp với Luật DN hiện hành và khoản 1 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
15.	Điều 23	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <u>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u> <u>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u> 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (Lược bỏ khoản 3, 4) 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 23 Điều lệ mẫu ban hành Thông tư 116/2020/TT-BTC.
16.	Điều	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ	Phù hợp với Luật DN

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	24	hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông</u> quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng</u> theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	đồng Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <u>Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u>	hiện hành và Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
17.	Điều 25	Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ	(Lược bỏ Điều 25)	Lược bỏ để phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này và Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.		116/2020/TT-BTC
18.	Điều 26	Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 2. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến</u>	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; <u>từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên.</u> 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội	phù hợp với Luật DN hiện hành với khoản 2, 3 Điều 25 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u>	đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u>	
19.	Khoản 1 Điều 27	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>là từ 5 đến 7 người, số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>không quá năm (05) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. <u>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u> <u>Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật.</u> 3. Thành viên Hội đồng quản trị <u>không còn tư</u>	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>là 07 (bảy) người.</u> 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>là 05 (năm) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u> 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u>	phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<u>cách thành viên Hội đồng quản trị</u> trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức và được chấp nhận; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <i>(Bổ sung khoản 5)</i> 4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.	4. Thành viên Hội đồng quản trị <u>không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị</u> trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức và được chấp nhận; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này. <i>(Giữ nguyên khoản 4, 5)</i>	
20.	Điều 28	Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. <u>Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u> 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. 5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác,	quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; f) Quyết định giải pháp thị trường và phát triển công nghệ; g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; l) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; n) Kiến nghị mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty; p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty; q) Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. r) Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
			tài chính và quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty; s) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu; t) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật; u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty; 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
21.	Điều 29	Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị (Bổ sung khoản 1) 1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ</u>	Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. <u>Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</u> 2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị</u>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 28 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		đồng quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. 2. <u>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u> Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành	<u>dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.</u> Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. <i>(Giữ nguyên khoản 3, 4)</i> 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. (Bổ sung khoản 6)		
22.	Điều 31	Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</u> 3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</u> a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; d. Các trường hợp khác (nếu có). 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có). 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các	Phù hợp với Luật DN hiện hành và khoản 2, 3, 7, 8, 9 Điều 30 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty. 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty. 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. <u>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u> 9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi:</u> <u>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;</u> <u>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> Trường hợp <u>cuộc họp lần thứ nhất</u> không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
23.	Điều	Điều 35. Người điều hành công ty	Điều 34. Người điều hành công ty	Phù hợp với Luật DN

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
	35	<i>(Bổ sung khoản 1)</i> 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, <u>lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với</u> Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. <i>(Bổ sung khoản 4)</i>	1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. <i>(Giữ nguyên khoản 1)</i> 3. Thù lao, tiền lương, thưởng <u>và các lợi ích khác</u> của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. 4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên	hiện hành và Điều 34 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
24.	Điều 36	Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm <u>và có thể được tái bổ nhiệm.</u>	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc <i>(Giữ nguyên khoản 1)</i> 2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm <u>và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty ... và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).</u> 3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 35 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		<u>Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung của pháp luật, Điều lệ công ty và đảm bảo các điều kiện sau:</u> b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. <i>(Bổ sung khoản 3)</i> 3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; f. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của từ cấp quản lý Phó trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống;	4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g) Tuyển dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty; i) Trước ngày 20 tháng 10 hằng năm, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm và dài hạn của Công ty; k) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này; l) Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền; m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
25.	Điều 38	Điều 38. Kiểm soát viên 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là <u>ba (03) người</u>. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và đảm bảo các điều kiện sau: a. <u>Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;</u> b. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.	Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là <u>03 (Ba) người</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định chế độ làm việc của <u>Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.</u> 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; (lược bỏ điểm a)</u> b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 37 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
26.	Điều 40	Điều 40. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; <u>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 39, 40, 41 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông; d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc	thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị. 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ. Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. 1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao,	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		hợp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	thường và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
27.	Điều 42	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 47 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc <u>bằng hai mươi phần trăm (20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành	chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. 7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc <u>bằng 35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <u>hai mươi phần trăm (20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;	
28.	Điều 44	Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc	Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 49 Điều lệ mẫu ban hành

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. 2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
29.	Điều 49	Điều 49. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.	Điều 50. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 <u>đương lịch hàng năm.</u>	Phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
30.	Điều 50	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo,	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 55 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
31.	Điều 53	Điều 53. Con dấu 2. Hội đồng quản trị quyết định <u>thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</u>	Điều 54. Dấu của Công ty 2. Hội đồng quản trị quyết định <u>loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u>	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 58 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
32.	Điều 54	Điều 54. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Điều 55. Giải thể Công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Giải thể theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; b. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty	Phù hợp với Luật DN hiện hành và Điều 59 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, hiệu chỉnh	Lý do hiệu chỉnh
		b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	mà không có quyết định gia hạn; c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	

Phụ lục II
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY;
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
I	Quy chế nội bộ về quản trị PPC		
1.	Điều 2	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 1. Vai trò của ĐHĐCĐ <u>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty; ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể được gia hạn theo quyết định của HĐQT nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u>

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
2.	Điều 2	b) Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông. - Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: + Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; + Báo cáo của Hội đồng quản trị; + Báo cáo của Ban kiểm soát; + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 2.1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
3.	Điều 2	- Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	2.2. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		+ Thông qua báo cáo tài chính năm; + Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; + Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; + Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; + Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; + Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; + Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; + Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; + Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; + Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại; + Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần	b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; f) Mức cổ tức đối với mỗi loại cổ phần của từng loại; g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; i) Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		nhất; + Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; + Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát; - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; s) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty; t) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty; u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5.	Điều 2	2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng	Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ 1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ 1.1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC, đặc biệt thông qua báo cáo

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của PPC có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, PPC phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của PPC dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của PPC. 1.2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6.	Điều 2	b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ	2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		đồng được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	đồng có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của PPC và không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
7.	Điều 2	c) Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam không chậm hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ PPC phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
8.	Điều 2	d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Khi triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường, Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp theo quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty phải thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ 4.2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
9.	Điều 2	đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (Bổ sung điểm 5.4)	5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ 5.3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối những kiến nghị nêu trên thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: ... 5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
10.	Điều 2	e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông (Bổ sung điểm 6.5)	6. Việc ủy quyền cho Người đại diện và cách thức đăng ký dự họp ĐHĐCĐ 6.5. Các chi phí phát sinh do khiếu nại liên quan đến việc tham dự ĐHĐCĐ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông gây ra khi thực hiện các hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm thì người khiếu nại phải bồi hoàn cho PPC.
11.	Điều 2	g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông (Giữ nguyên nội dung)	7. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ
12.	Điều 2	h) Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	8. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</u> Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty
13.	Điều 2	k) Cách thức bỏ phiếu nếu cuộc họp có bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi bầu cử, cổ đông sử dụng phiếu bầu cử để bỏ phiếu theo một trong hai cách: - Số phiếu bầu chia đều cho các ứng cử viên. - Số phiếu bầu dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	10. Cách thức bỏ phiếu a. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, số thẻ không có ý kiến được thu sau cùng, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. b. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
14.	Điều 2	1) Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu: - Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. - Việc kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành rồi đến số phiếu không có ý kiến; kiểm số cổ phần được bầu cho từng ứng viên (nếu cuộc họp có bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát). - Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	11. Cách thức kiểm phiếu 11.1. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 05 (năm) người. 11.2 Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. 11.3. Trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS: a. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu; c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước đại hội; đ. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này. 11.4. PPC nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			phần mềm điện tử để phòng tránh sai sót. 11.5. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.
15.	Điều 2	m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua - Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi trên 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: + Thông qua báo cáo tài chính năm; + Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; + Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. - Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp. - Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc: i) sửa đổi và bổ sung Điều lệ; ii) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; iii) việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; iv) giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý PPC; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản của PPC có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của PPC; đ. Tổ chức lại, giải thể PPC. e. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ. 12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ quy định tại khoản 12.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 12.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PPC.
16.	Điều 2	l) Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả	13. Thông báo kết quả kiểm phiếu a. Trưởng ban Kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	b. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên trang thông tin điện tử của PPC trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
17.	Điều 2	o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Giữ nguyên nội dung)	14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ
18.	Điều 2	p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông - <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u> - <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u> - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ 15.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
19.	Điều 2	q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố nghị quyết, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các thông tin khác có liên quan ra công chúng theo quy định tại điều 109 luật Chứng khoán, thông tư Số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định khác của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	16. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ a. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của PPC trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua. b. PPC tổ chức công bố thông tin về cuộc họp ĐHĐCĐ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
20.	Điều 2	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua	Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		ng nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến b) Việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến được thực hiện trước khi diễn ra Đại hội và/hoặc trước mỗi nội dung cần biểu quyết, bỏ phiếu hoặc theo quy định khác của Công ty (nếu có).	2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được quy định cụ thể trong thông báo mời họp.
21.	Điều 2.	c) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.	3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Quy chế này.
22.	Điều 2.	d) Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 2 điều 2 của quy chế này hoặc các tài liệu hướng dẫn khác của Công ty (nếu có).	4. Điều kiện tiến hành Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Quy chế này hoặc các tài liệu hướng dẫn khác của Công ty (nếu có).
23.	Điều 2.	đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 2 của Quy chế này.	5. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 của Quy chế này.
24.	Điều 2.	e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến <u>Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi bầu cử có thể bỏ phiếu bầu cử ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội theo một trong hai cách:</u> <u>- Số phiếu bầu chia đều cho các ứng cử viên.</u> <u>- Số phiếu bầu dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</u> <u>Hoặc theo quy định khác của Công ty (nếu có).</u>	6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến Cách thức bỏ phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa hướng dẫn cụ thể trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.
25.	Điều 2.	f) Cách thức kiểm phiếu <u>Việc kiểm phiếu được thực hiện tự động ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội và phải được lập thành biên bản.</u>	7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến Cách thức kiểm phiếu trực tuyến sẽ được Chủ tọa làm rõ trong cuộc họp trước thời điểm bỏ phiếu.
26.	Điều 2.	i) Việc lập biên bản tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		được thực hiện như đối với việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.	Việc lập biên bản tại ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện như đối với việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại khoản 15 Điều 4 của Quy chế này.
27.	Điều 2.	5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến d) Điều kiện tiến hành Đại hội là kết quả cộng dồn số cổ đông dự họp trực tiếp và cổ đông dự họp trực tuyến đại diện cho trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng các điều kiện khác được quy định tại điểm h khoản 2 điều 2 của quy chế này.	Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến 4. Điều kiện tiến hành Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Quy chế này và số cổ đông dự họp được tính bằng tổng số cổ đông dự họp trực tiếp và trực tuyến.
28.	Điều 2.	<u>đ) Các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và trực tuyến:</u> - <u>Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</u> - <u>Định hướng phát triển công ty;</u> - <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> - <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> - <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</u> - <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> - <u>Tổ chức lại, giải thể công ty.</u>	5. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 của Quy chế này.
29.	Điều 2.	<u>e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến</u> <u>Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi bầu cử có thể bỏ phiếu bầu cử ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội theo một trong hai cách:</u> - <u>Số phiếu bầu chia đều cho các ứng cử viên.</u> - <u>Số phiếu bầu dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu</u>	6. Cách thức bỏ phiếu Cách thức bỏ phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 và khoản 6 Điều 6 của Quy chế này hoặc theo quy định khác của PPC.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<u>của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</u> <u>Hoặc theo quy định khác của Công ty (nếu có).</u>	
30.	Điều 2.	f) Cách thức kiểm phiếu Việc kiểm phiếu được thực hiện tự động ngay trên nền tảng phần mềm tiến hành Đại hội và phải được lập thành biên bản.	7. Cách thức kiểm phiếu Cách thức kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 và khoản 7 Điều 6 của Quy chế này hoặc theo quy định khác của PPC.
31.	Điều 2.	i) Việc lập biên bản tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như đối với việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.	9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 4 của Quy chế này.
32.	Điều 3.	Điều 3. Hội đồng quản trị 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. b) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: - Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. - Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ	CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của PPC phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý PPC, có toàn quyền nhân danh PPC để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ PPC, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		sau: + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; + Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; + Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; + Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; + Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; + Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; + Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; + Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; + Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; + Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; + Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;	khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		+ Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; + Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông; + Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; + Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có). - Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: + Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; + Thành lập các công ty con của Công ty; + Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; + Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; + Việc vay nợ, cho vay và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; Thông qua các hợp đồng mua bán điện thương phẩm với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hợp đồng khác có giá trị từ 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng trở lên; + Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ 500 triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; + Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các	n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty; p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty; q) Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. r) Quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty; s) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu; t) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật; u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty. 33. 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; + Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; + Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng; + Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; + Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. - Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. - Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
34.	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị Bổ sung khoản 4	4. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên HĐQT 4.1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ PPC, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PPC. 4.2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PPC, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau: a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của PPC; b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa PPC, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa PPC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của PPC theo quy định của pháp luật. 4.3. PPC có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ PPC.
35.	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị	Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 7 người, số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (Bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (Năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
36.	- Điều chỉnh cấu trúc điều khoản - Sửa đổi, bổ sung nội dung	b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị - Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật. <u>- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> <u>+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</u> <u>+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</u> <u>+ Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</u> <u>+ Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý</u>	2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. b. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PPC và các quy định pháp luật có liên quan.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<u>khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý.</u> - <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây , trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</u> + <u>Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</u> + <u>Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.</u> + <u>Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</u> + <u>Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</u> + <u>Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</u> - <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định nêu trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều</u>	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<u>kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</u>	
37.	- Điều chỉnh cấu trúc điều khoản - Sửa đổi, nội dung	<u>c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</u> - Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên- - Không thực hiện việc tự ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị. - Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng Quản trị đương nhiệm - Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Thủ tục Hội đồng	3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT a. Ứng cử, đề cử vào HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 25 Điều lệ PPC có quyền đề cử các ứng viên HĐQT. b. Ứng viên HĐQT sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lệ của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nếu được bầu làm thành viên HĐQT. ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.	
38.	- Điều chỉnh cấu trúc điều khoản - Sửa đổi, Bổ sung nội dung	d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị Việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội đồng thống nhất thông qua, Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt dự họp và tiến hành bầu cử, kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị. Người trúng cử vào Hội đồng Quản trị phải là người có tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 điều 3 của Quy chế này và phải đạt được trên 51% Cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	4. Cách thức bầu thành viên HĐQT 4.1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. 4.2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt; có đóng dấu PPC. 4.3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử. 4.4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp ĐHĐCĐ. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào HĐQT, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện, cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu. 4.5. Ghi phiếu bầu: a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. b. Trường hợp ghi sai, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác (việc đổi Phiếu này được tiến hành trước khi kết thúc bầu cử); c. Ký xác nhận việc thực hiện bầu. 4.6. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			nhiều trường hợp sau: a. Phiếu không theo mẫu quy định của PPC, không có dấu của PPC; b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; c. Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết bầu cử đã bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu cử được bầu của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền); d. Phiếu bầu không ghi số lượng phiếu biểu quyết bầu cho ít nhất một ứng cử viên; đ. Phiếu bầu vượt phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua. 4.7. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu: a. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không quá 05 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT; b. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu HĐQT, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội. 4.8. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu: a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội. 4.9. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu của cổ đông có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên HĐQT, trong đó đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC. 4.10. Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo quy định, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu. 4.11. Trong trường hợp phải lựa chọn 01 (một) trong 02 (hai) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì: a. Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào đang nắm giữ số cổ phần nhiều hơn hoặc đại diện chủ sở hữu nắm giữ cổ phần nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu biểu quyết bầu cao hơn; b. Nếu ứng viên không phải là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ được xem xét ưu tiên chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm. 4.12. Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng. 4.13. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			a. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào HĐQT; danh sách thành viên HĐQT trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu biểu quyết bầu từ cao xuống thấp; b. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. 4.14. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.
39.	Điều 3	đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; Thay thế bằng điều khoản tham chiếu	5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT 5.1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 26 của Điều lệ PPC.
40.	Điều 3	e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và, hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
41.	Điều 3	g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT 42. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		- Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. - Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được giới thiệu bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; + Trình độ học vấn; + Trình độ chuyên môn; + Quá trình công tác; + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; + Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; + Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); + Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); + Các thông tin khác (nếu có) về tỉ lệ số lượng đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty.	quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác) - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có). - Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
43.	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 10. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT 44. 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		- Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. - Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. - Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc	Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 45. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. 46. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 47. 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 48. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .	49. 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
50.	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây: a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</u>	Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây 1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
51.	Điều 3	b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; - Các trường hợp khác (nếu có).	2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường 52. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).
53.	Điều 3	c) Thông báo họp Hội đồng quản trị - Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng	3. Thông báo họp HĐQT 54. a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. - Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. - Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty. - Cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tổ chức tại địa chỉ đã đăng ký của công ty, hoặc có thể sẽ được tổ chức tại địa chỉ khác ở Việt nam hoặc ở nước ngoài hoặc có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của đa số thành viên Hội đồng Quản trị, đảm bảo rằng địa điểm đó là thuận lợi nhất cho việc tổ chức họp;	này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. 55. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty. c. Thành viên HĐQT nếu như không nhận được và, hoặc không tiếp cận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của HĐQT có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ tổ chức lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.
56.	Điều 3	d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	4. Quyền dự họp HĐQT của Kiểm soát viên Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết
57.	Điều 3	đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị; - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. - Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy	5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT a. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. - Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại điểm b của khoản này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại điểm b của khoản này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị. - Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	(bảy) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên HĐQT dự họp. c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại xảy ra đối với PPC, những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp HĐQT.
58.	Điều 3	e) Cách thức biểu quyết; - Trừ quy định tại mục 2 điểm này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm c khoản này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; - Thành viên hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; - Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 31 Điều lệ	6. Cách thức biểu quyết của HĐQT a. Ngoài việc tham gia biểu quyết trực tiếp, thành viên HĐQT có thể gửi Phiếu biểu quyết thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua thư thì phiếu biểu quyết này phải được đựng trong phong bì dán kín và chuyển tới Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. b. Trong các cuộc họp trực tuyến, qua điện thoại, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		công ty hoặc quy định dưới đây, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; - Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó; - Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên. - Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người	

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		dự họp.	
59.	Điều 3	g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; - Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị. - Cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: + Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp này và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. - Nghị quyết bằng văn bản thông qua tại cuộc họp HĐQT phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội	7. Cách thức thông qua và phản đối nghị quyết của HĐQT 7.1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị. 7.2. Cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe các thành viên tham dự khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. 7.3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 7.4. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. 7.5. Thành viên HĐQT có quyền phản đối nghị quyết của

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		đồng Quản trị sau đây: + Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị; + Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu để tiến hành họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế này; Nghị quyết loại này có thể được thông qua bằng việc sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị. - Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.	HĐQT bằng các yêu cầu, Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến HĐQT nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp. 7.6. Trong mọi trường hợp, thành viên HĐQT vẫn phải tuân thủ nghị quyết của HĐQT cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của HĐQT.
60.	Điều 3	i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây: + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của công ty; + Mục đích, chương trình và nội dung họp; + Thời gian, địa điểm họp; + Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp, lý do; + Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;	9. Lập biên bản họp HĐQT 9.1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích, chương trình và nội dung họp; c. Thời gian, địa điểm họp; d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		+ Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không ý kiến; + Các vấn đề đã được thông qua; + Họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản; - Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. - Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị; - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. - Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	h. Các vấn đề đã được thông qua; i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên HĐQT tham dự họp và biểu quyết. 9.2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. 9.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PPC. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt (có thể được lập thêm tiếng Anh). Biên bản có chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết.
61.	Điều 3	k) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực.	10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp HĐQT Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.
62.	Điều 3	l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. - Các nghị quyết Hội đồng Quản trị phải được thông báo tới từng thành viên Hội đồng Quản trị; - Tuỳ từng Nghị quyết, quyết định Hội đồng Quản trị mà công ty phải công bố thông tin theo quy định tại Điều	11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT PPC có trách nhiệm công bố, thông báo thông tin về nghị quyết, quyết định của HĐQT trong nội bộ PPC và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) và trên trang thông tin điện tử của PPC theo trình tự và quy định của pháp luật doanh

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		109 Luật Chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định khác của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	ng nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
63.	Điều 3	5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: + Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định ít nhất ba (03) người, Các thành viên trong Tiểu ban không nhất thiết phải là thành viên HĐQT, nhiệm kỳ của các tiểu ban là không quá 5 năm + Cơ cấu của các tiểu ban bao gồm thành viên của hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều 12. Các tiểu ban thuộc HĐQT 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc HĐQT 2.1. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc HĐQT. a. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. b. HĐQT quy định chi tiết về trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được bổ nhiệm phụ trách các tiểu ban này. c. Trưởng của một tiểu ban phải: i. Thông báo cho HĐQT biết về tất cả các vấn đề quan trọng liên quan đến công việc của Tiểu ban, ít nhất 03 (ba) tháng một lần; ii. Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng tiểu ban hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
64.	Điều 3	c) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	3. Hoạt động của tiểu ban thuộc HĐQT a. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT. b. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			quy định tại Điều lệ PPC sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót. c. Tiểu ban có trách nhiệm soạn thảo quy định, nguyên tắc hoạt động của tiểu ban trong đó bao gồm các quy định chi tiết về hoạt động hợp, các nhiệm vụ và trách nhiệm báo cáo cùng các vấn đề khác để trình HĐQT phê duyệt.
65.	Điều 3	6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. (Bổ sung khoản 4) (Bổ sung điểm h, khoản 5)	Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC 2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị PPC a. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị PPC để hỗ trợ hoạt động quản trị PPC được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị PPC có thể kiêm nhiệm làm Thư ký PPC theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị PPC do HĐQT quyết định, tối đa là 05 (năm) năm. b. Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị PPC: Các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn việc tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong PPC, số lượng cổ phiếu của PPC đang nắm giữ, xác nhận không có tiền án, tiền sự, ... 4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC PPC phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị PPC trong nội bộ PPC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của PPC theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. 5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị PPC h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
66.	Điều 4.	Điều 4. Ban Kiểm soát	CHƯƠNG IV

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát b) Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: - Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; - Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông; - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	BAN KIỂM SOÁT Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên 2. BKS có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau đây: a. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của PPC; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của PPC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính PPC, việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác; d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông; đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ PPC của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của PPC lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và người lao động của PPC trong giờ làm việc. i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của PPC. k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC.
67.	Điều 4.	Điều 4. Ban Kiểm soát (Bổ sung khoản 3)	3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ PPC, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của PPC. c. Trung thành với lợi ích của PPC và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của PPC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC. đ. Trường hợp vi phạm quy định tại các nội dung nêu trên mà gây thiệt hại cho PPC hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho PPC. e. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
68.	Điều 4.	2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát; Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên 1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên a. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. b. Các Kiểm soát viên bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
69.	Điều 4.	b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát; Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: - <u>Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước;</u>	2. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên 70. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		không phải là người lao động của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.	
71.	Điều 4.	c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; - <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</u> + <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u> + <u>Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u> + <u>Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu</u>	3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên 72. a) Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này. 73. b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		<u>quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	
74.	Điều 4.	d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: - Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội thống nhất thông qua, Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt dự họp và tiến hành bầu cử, kiểm phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát. Người trúng cử vào Ban kiểm soát phải là người có tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 điều 4 của Quy chế này và phải đạt được trên 51% cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. - Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. - Cách thức bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (thực hiện biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng văn bản) để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong	4. Cách thức bầu Kiểm soát viên a. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. b. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ (thực hiện biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng văn bản) để bầu bổ sung Kiểm soát viên trong trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm một phần ba so với số quy định tại Điều lệ PPC. Trường hợp này HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm một phần ba. c. Trình tự cách thức bầu, phiếu bầu, cách thức ghi phiếu bầu, phiếu hợp lệ và không hợp lệ, đề cử Ban bầu cử và kiểm phiếu, kết quả bầu cử được thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này. d. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba	
75.	Điều 4.	đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 37 Điều lệ PPC.
76.	Điều 4.	e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Việc công bố nghị quyết, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ra công chúng theo quy định tại Điều 109 Luật Chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định khác của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
77.	Điều 4.	g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	7. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: 78. a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 79. b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 80. c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
81.	Điều 5.	Điều 5. Tổng Giám đốc Công ty 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Công ty a) Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.	CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
82.	Điều 5.	a) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: - Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; - Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; - Kiến nghị số lượng người điều hành và các chức danh quản lý từ cấp trưởng phòng hoặc tương đương trở lên để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác để Hội đồng quản trị quyết định; - Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều	2. Quyền và nghĩa vụ của TGD: 83. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty; i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của từ cấp Phó trưởng hoặc tương đương trở xuống; - Trước ngày 05 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.	của Công ty; j. Trước ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm; k. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này; l. Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền; m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
84.	Điều 5.	2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quyết định khác. Việc bổ nhiệm này hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Điều lệ Công ty hay trong Hợp đồng lao động và có thể được tái bổ nhiệm. - Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều	Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD 85. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn, Điều lệ Công ty và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		kiện theo quy định chung của pháp luật, Điều lệ công ty và đảm bảo các điều kiện sau: + Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. + Phải có đủ các tiêu chuẩn quy định trong quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành.	
86.	Điều 5.	b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Các thành viên HĐQT có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì HĐQT có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt,...) để lựa chọn người được bổ nhiệm. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. TGD bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định của Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty c) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, Hội	2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		đồng Quản trị sẽ ký hợp đồng lao động trong đó sẽ quy định rõ: Thời gian, mức lương, lợi ích, nghĩa vụ và các điều khoản khác liên quan tới việc tuyển dụng; Tổng Giám đốc không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị; - Việc ký kết hợp đồng trên phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty. d) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau đây: + Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này + Có đơn xin từ chức và đã gửi tới Hội đồng Quản trị; - Các trường hợp khác được quy định trong Điều lệ công ty và luật doanh nghiệp; - Ngoài các trường hợp quy định trên, còn có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào khi mà có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (<i>không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc</i>); các cán bộ này có quyền phản đối quyết định của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.	
87.		c) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị sẽ ký hợp đồng lao động trong đó sẽ quy định rõ: Thời gian, mức lương, lợi ích, nghĩa vụ và các điều khoản khác liên quan tới việc tuyển dụng; Tổng Giám đốc không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị; - Việc ký kết hợp đồng trên phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty.	3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với TGD HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, phụ cấp, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của PPC.
88.	Điều 5.	d) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau đây:	4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với TGD TGD bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		+ Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này + Có đơn xin từ chức và đã gửi tới Hội đồng Quản trị; - Các trường hợp khác được quy định trong Điều lệ công ty và luật doanh nghiệp; - Ngoài các trường hợp quy định trên, còn có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào khi mà có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (<i>không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc</i>); các cán bộ này có quyền phản đối quyết định của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.	Doanh nghiệp.
89.	Điều 5.	đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc này nếu pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có quy định phải công bố thông tin.	5. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD theo quy định tại Điều lệ PPC và phải được công bố ra công chúng trong vòng 24 giờ trên trang thông tin điện tử của PPC kể từ khi ban hành quyết định, nghị quyết và/hoặc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
90.	Điều 5.	e) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.	6. Tiền lương và lợi ích khác của TGD HĐQT quyết định việc trả lương, thưởng cho TGD theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của PPC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của PPC và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.
91.	Điều 6	Điều 6. Các hoạt động khác 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc: c) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề	CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD 3. Các trường hợp TGD và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT a. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa TGD và HĐQT.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		cần xin ý kiến Hội đồng quản trị; - Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị: + Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ; + Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của công ty; + Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng Quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của công ty, vi phạm pháp luật Nhà nước; + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. - Các trường hợp Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát xin ý kiến của Hội đồng Quản trị: + Ban kiểm soát có thể ban hành các quyết định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát, nhưng phải sau khi đã tham khảo, xin ý kiến của Hội đồng Quản trị; + Tổng Giám đốc phải thực hiện xin ý kiến của Hội đồng Quản trị trừ trường hợp mà pháp luật và Điều lệ quy định Tổng Giám đốc không phải xin ý kiến như: Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị; tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh theo phương án đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và một số trường hợp khác theo quy định.	b. Khủng hoảng mà việc xử lý vượt thẩm quyền của TGD. c. Các giao dịch mà TGD là một bên liên quan. d. Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT. đ. Các nội dung vượt thẩm quyền theo uỷ quyền của HĐQT đối với TGD.
92.	Điều 6	d) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:	4. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao a. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		- Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện báo cáo với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông; các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện báo cáo với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; - Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT, bao gồm các nội dung chính về kết quả hoạt động của PPC: sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư xây dựng, quản trị PPC, tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT. b. TGD cung cấp thông tin bằng hình thức phù hợp khi thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PPC theo đúng quy định của pháp luật.
93.	Điều 6	h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc - Thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp luật và Điều lệ công ty; - Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ đảm bảo lợi ích cao nhất của công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật.	7. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS 7.1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên một cách đồng thời; b. Các nghị quyết của HĐQT được đồng thời gửi đến BKS với thời điểm gửi đến TGD trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ PPC; c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của PPC, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ PPC; d. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của BKS phải được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc và BKS phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày BKS nhận được đề nghị; đ. HĐQT phải tạo điều kiện để BKS của PPC phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch khắc phục và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan. 7.2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT: a. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ; b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập, khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm; c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản, nhưng không trễ hơn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý PPC. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ gần nhất; d. Trường hợp BKS phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và/hoặc quy định tại Điều lệ PPC thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả; đ. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của PPC thì BKS phải gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày HĐQT nhận được đề nghị; e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc và HĐQT phản hồi

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày HĐQT nhận được đề nghị. 8. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD a. HĐQT và các thành viên HĐQT không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành. b. HĐQT thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để TGD hoàn thành nhiệm vụ được giao. c. HĐQT có quyền tham gia vào tất cả các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Điều hành, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp. d. HĐQT thực hiện giám sát công tác điều hành của TGD và TGD thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT, Điều lệ PPC. đ. TGD điều hành hoạt động hàng ngày của PPC theo nghị quyết, quyết định của HĐQT và chịu trách nhiệm chỉ đạo, nghiên cứu và quyết định các biện pháp điều hành thực hiện có kết quả các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong điều hành hàng ngày hoạt động sản xuất kinh doanh; chịu sự giám sát của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của PPC. e. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ PPC. g. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT (sau khi có ý kiến của Chủ tịch HĐQT) có quyền yêu cầu TGD, người quản lý doanh nghiệp trong PPC cung cấp các thông tin về hoạt động của PPC. Yêu cầu có thể bằng văn bản hoặc bằng email và gửi cho TGD hoặc gửi trực tiếp cho cán bộ quản lý trước ít nhất 24 giờ, cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo TGD trước khi cung cấp.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			h. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ PPC do TGD đề trình, HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ PPC. i. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD. k. TGD có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ, ... nhưng phải báo cáo HĐQT ngay, trong vòng 1 giờ thông tin bằng điện thoại, tin nhắn, báo cáo bằng văn bản trong vòng 1 ngày kể từ khi xảy ra sự việc; và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ về các quyết định đó. l. Khi nhận thấy các Quyết định của HĐQT trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền của cổ đông, TGD phải có báo cáo ngay bằng văn bản với HĐQT và BKS. m. Các nội dung trình HĐQT để HĐQT có ý kiến được gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày. n. Đối với các nội dung có trong kế hoạch năm, HĐQT đã phê duyệt, thông qua thì Ban điều hành chủ động triển khai và báo cáo kết quả thực hiện mà không phải trình lại chi tiết khi triển khai (như công tác tuyển dụng, điều động, triển khai các khóa đào tạo,...). o. Bộ máy giúp việc của PPC, Phó Tổng Giám đốc PPC có trách nhiệm tham mưu cho HĐQT và TGD PPC theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. 9. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD a. Trong các cuộc họp của BKS, khi cần thiết, BKS có quyền đề nghị TGD, thành viên HĐQT có liên quan, và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
			b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản và kết luận phải gửi cho TGD muộn nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra để có thêm cơ sở giúp TGD trong công tác quản lý PPC. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS có thể tham khảo ý kiến của TGD trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất. c. Trường hợp BKS phát hiện TGD vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và/hoặc vi phạm Điều lệ PPC thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả. d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu TGD cung cấp hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ PPC. Ngoài ra, Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của PPC tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ. đ. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến PPC trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ. e. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của TGD: phải được gửi trước ít nhất là 05 (năm) ngày làm việc và TGD sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc.
94.	Điều 6	2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác: <i>(Giữ nguyên nội dung)</i>	Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
II.	Quy chế hoạt động của HĐQT PPC		
1.	Điều 9	Điều 9. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có <u>từ 5 đến 7 người</u> . 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>không quá 05 năm (là 05 năm)</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	1. Hội đồng quản trị có 07 (Bảy) người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>là 05 (năm) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2.	Điều 10	Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: d) <u>Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;</u>	d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ EVNGENCO2;
3.	Điều 11	Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; ... - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		nghiệp và Điều lệ công ty.	
4.	Điều 12	Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> c) <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u> d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
5.	Điều 13	Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thực hiện theo quy định trong điều lệ của Công ty hiện hành.	1. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</u> <u>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</u>
6.	Điều 15	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc <u>và người quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định</u> ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	27 Điều lệ công ty. - Bổ sung thêm điều khoản quy định: <i>“Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật”</i>
7.	Điều 19	Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (<u>trên 51%</u>); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
8.	Điều 21	Điều 21. Biên bản họp Hội đồng quản trị 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng nước ngoài</u> có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng nước ngoài</u> thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng Anh</u> có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và <u>bằng tiếng Anh</u> thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
9.	Điều 26	Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành 1. HĐQT lãnh đạo Ban điều hành Công ty thực hiện việc quản lý điều hành bộ máy quản lý để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty bằng các Nghị quyết, chỉ thị trên cơ sở Nghị quyết và các định hướng của ĐHĐCĐ. 2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, có quyền yêu cầu Tổng	Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Stt	Điều khoản	Nội dung trong Quy chế hiện hành	Nội dung hiệu chỉnh
		Giám đốc cung cấp các thông tin trong điều hành. 6. Tổng Giám đốc ký duyệt: d) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, ... Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống sau khi được HĐQT thống nhất chủ trương nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt cơ cấu và định biên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt/thông qua;	